TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **57**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Thế V, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Đinh Thế V và bị đơn chị Hoàng Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Thế V và chị Hoàng Thị S nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 01 con chung là Đinh Hải Đ, sinh ngày 15/8/2022 (Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho anh Đinh Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng đối với con chung là Đinh Hải Đ, sinh ngày 15/8/2022 với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của chị Hoàng Thị S theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ghi nhận việc anh Đinh Thế V tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002137, ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Đinh Thế V được hoàn trả số tiền còn lại là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Bị đơn chị Hoàng Thị S phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên (02b);
- Các đương sự (02b);
- Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên (01b);
- UBND xã Nam Cường, tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ